

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2024
V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HOÁ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đặng Nguyễn Phương C

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc N
2. Ông Đỗ Thành Anh T

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Văn Q - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1995

Địa chỉ: ấp Kinh 12, xã Tân Thành, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông Phạm Thành C (tên thường gọi: Ú), sinh năm: 1992

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Long An

(Bà D, ông C có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị D trình bày: bà D và ông C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C không chăm lo cho vợ con, kiểm soát tiền bạc của vợ, không ủng hộ việc làm của vợ, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nhau. Đến tháng 9 năm 2024, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, ông C không cho bà về nhà. Nay bà D xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, bà không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: bà D và ông C có hai con chung tên Phạm Hoàng L, sinh ngày 05/02/2014 và Phạm Thị Yến V, sinh ngày 12/01/2017. Khi ly hôn, bà D đồng ý giao hai con chung cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn - ông Phạm Thành C trình bày: về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn đúng như bà D đã trình bày. Sau thời gian chung sống thì vợ chồng có bất đồng quan điểm, cãi vã nhưng ông C vẫn chăm lo cho gia đình, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Ông C còn yêu thương bà D, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc nên ông C không đồng ý ly hôn với bà D.

- Về con chung: ông C và bà D có hai con chung tên Phạm Hoàng L, sinh ngày 05/02/2014 và Phạm Thị Yến V, sinh ngày 12/01/2017. Hai con chung hiện đang sống chung với ông C. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Diễm G nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C. Bà D đồng ý giao hai con chung cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/01 người con). Về tài sản chung và nợ chung, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Phạm Thành C trình bày còn yêu thương bà D nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông C đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi hai con chung theo ý kiến của bà D là 3.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Nguyễn Thị D với bị đơn Phạm Thành C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Bà D và ông C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An vào ngày 14/5/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà D và ông C thì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Bà D trình bày ông C không chăm lo cho vợ con, kiểm soát tiền bạc của vợ, không ủng hộ việc làm của vợ. Ông C thì cho rằng vợ chồng có phát

sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, hiện tại ông còn yêu thương bà D nên không đồng ý ly hôn. Do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà D và ông C đã ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà D và ông C mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, lo lắng cho ai, cả hai cũng không có thiện chí và giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn vì bà D cho rằng không còn tình cảm yêu thương đối với ông C. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà D và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, bà D được ly hôn với ông C.

- Về con chung: bà D và ông C có hai con chung tên Phạm Hoàng L, sinh ngày 05/02/2014 và Phạm Thị Yến V, sinh ngày 12/01/2017. Khi ly hôn, bà D đồng ý giao hai con chung cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bà D đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/01 người con). Theo tờ nêu ý kiến ngày 29/11/2024, hai con chung là Phạm Hoàng L và Phạm Thị Yến V có nguyện vọng được sống cùng với cha. Ông C đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi hai con chung theo ý kiến của bà D. Vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của bà D và ông C về việc giao hai con chung cho ông C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/01 người con), thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: bà D và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: bà D và ông Công trình B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Ông Phạm Thành C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm đối V1 ông Phạm Thành C.

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Phạm Thành C.

- Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Thành C về việc ông Phạm Thành C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung tên Phạm Hoàng L, sinh ngày 05/02/2014 và Phạm Thị Yến V, sinh ngày 12/01/2017. Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/01 người con), thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0002337 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hoá sang thi hành án phí, bà D còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí. Ông Phạm Thành C không phải chịu án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc N - Đỗ Thành Anh T

Đặng Nguyễn Phương C

